TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 8- 2023
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đại và bà Nguyễn Thị Tuyết

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Ngô Chí Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2013 và thông báo mở lại phiên toà số: 19/TB-TA ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1978 .Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Chí Th - Sinh năm 1971. Vắng mặt

Đều trú: Thôn Đa Cốc , xã Vĩnh Kiên,, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn với anh Đỗ Chí Th trên cơ sở tự nguyện vào ngày 27 tháng 9 năm 1999, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Chí Th.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Chí Th có 02 con chung: 1- Đỗ Minh Tiến, sinh ngày 09/01/1999.

2 Đỗ Minh Tài, sinh ngày 19/10/2017.

Cháu Đỗ Minh Tiến đã đến tuổi trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết, còn cháu Đỗ Minh Tài, quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn đề nghị thay đổi nguyện vọng nuôi con chung, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Minh Tài và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Chí Th, niêm yết các văn bản tại địa phương nơi anh Th sinh sống nhưng anh Th không có mặt và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt của đương sự và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2023 tại địa phương nơi chị N và anh Th sinh sống, thì địa phương cung cấp thông tin: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa phương bình thường, không thấy xảy ra mâu thuẫn gì, 5 năm trở lại đây vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị N đi làm thuê, thi thoảng mới về nhà. Nay chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Chí Th có 02 con chung là Đỗ Minh T, sinh ngày 09/01/1999 và Đỗ Minh T1, sinh ngày 19/10/2017.Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm rõ nên không cung cấp được thông tin.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị N được ly hôn với bị đơn anh Đỗ Chí Th .

+ Về con chung: Có 02 con chung: là Đỗ Minh Tiến, sinh ngày 09/01/1999 và Đỗ Minh Tài, sinh ngày 19/10/2017. Cháu Đỗ Minh Tiến đã trưởng thành nên không xem xét, giao cháu bé Đỗ Minh Tài cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Đỗ Chí Th không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được thông báo hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Chí Th xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 27/9/1999, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần xong không thành. Anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Chí Th.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Chí Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa

chị N và anh Th là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng anh Đỗ Chí Th không hợp tác thể hiện anh Th không có ý muốn đoàn tụ. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Chí Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Đỗ Chí Th là có cơ sở và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:*

Chị Nguyễn Thị N và Anh Đỗ Chí Th có 02 con chung: là Đỗ Minh Tiến, sinh ngày 09/01/1999 và Đỗ Minh Tài, sinh ngày 19/10/2017. Cháu Đỗ Minh Tiến đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu bé Đỗ Minh Tài thì quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tài, và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Trong xuất quá trình giải quyết vụ án anh Th không hợp tác và không có ý kiến gì về con chung. Chị N có công việc ổn định. Do vậy cần giao con chung là Đỗ Minh Tài, sinh ngày 19/10/2017 cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

[4]. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Chị N không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:*

Chị Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án chia tài sản chung và công nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:*

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7]. *Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:*

Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Anh Đỗ Chí Th không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8]. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Chí Th.

2. Về con chung:

Giao con chung Đỗ Minh Tài, sinh ngày 19/10/2017 cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2022/0000612 ngày 24 -4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Chí Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7A, Điều 7B và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Kiên
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hoàng Kim Sơn